TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS - ST
Ngày: 21 - 3 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Nhi.

Ông Nguyễn Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST - DS, ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST - DS, ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Trương Công P, sinh năm 1982 (có mặt).

Đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào khoảng đầu năm 2017 (không nhớ rõ thời gian) ông có cho ông Trương Công P vay số tiền 5.000.000 đồng, không lãi suất, hai bên hợp đồng miệng, thỏa thuận khi nào cần thì ông thông báo trước ông P phải trả tiền, lúc vay tiền ông P không có nói mục đích vay

để làm gì. Sau khi cho vay ông đòi tiền nhiều lần nhưng ông P chỉ hẹn chứ không trả. Nay ông yêu cầu ông P phải hoàn trả cho ông số tiền 5.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu vợ ông P là bà Huỳnh Thị Kim C phải hoàn trả. Ngoài ra vào ngày 10/5/2016 ông có cho ông P vay số tiền 20.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay đến ngày 10/10/2016 ông P phải hoàn trả nợ. Sau khi vay ông P có đóng lãi cho ông 3.000.000 đồng và hiện nay đã trả xong tiền vốn nên việc ông P cho rằng ông P vay ông số tiền 20.000.000 đồng trong đó có 10.000.000 đồng là vay dùm cho ông Trần Văn H, cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre là việc riêng của ông P và ông H, ông chỉ giao dịch cho vay tiền với ông P nên không đồng ý theo yêu cầu của ông P về việc yêu cầu ông phải nói với gia đình ông H là ông nhận lãi của ông P đóng dùm cho ông H 3.000.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Công P trình bày: Ông thống nhất có vay của ông P số tiền 5.000.000 đồng như ông P trình bày, mục đích vay là để sử dụng vào việc cá nhân ông, vợ ông là bà Huỳnh Thị Kim C không biết, hiện tại ông chưa trả số tiền này cho ông P. Ngoài ra vào ngày 10/5/2016 ông có vay của ông P số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 10/10/2016 ông phải hoàn trả nợ, số tiền vay nêu trên ông sử dụng 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng ông vay dùm cho ông Trần Văn H, cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi vay ông có đóng lãi cho ông P số tiền 6.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng đóng lãi cho số tiền vay dùm ông H). Hiện nay số tiền vay 20.000.000 đồng đã thanh toán xong cho ông P. Tuy nhiên ông P có nói với gia đình ông H là việc ông vay tiền dùm cho ông H 10.000.000 đồng ông P không có lấy tiền lãi nên ông không thể đòi tiền lãi số tiền 3.000.000 đồng mà ông đã đóng khi vay dùm cho ông H. Nay ông yêu cầu ông P phải nói với gia đình ông H là ông đã đóng lãi của số tiền 10.000.000 đồng vay dùm cho ông H, số tiền lãi đã đóng là 3.000.000 đồng để ông có căn cứ yêu cầu ông H phải trả lại cho ông, nếu ông P không nói thì ông chỉ trả cho ông P số tiền 2.000.000 đồng (do trừ đi 3.000.000 đồng mà ông đã đóng lãi cho ông P thay cho ông H), không đồng ý trả 5.000.000 đồng như yêu cầu của ông P.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim C trình bày: Bà không biết việc ông P vay tiền của ông P do ông P vay tiền để tiêu xài riêng, bà không đồng ý liên đới cùng ông P trả tiền vay 5.000.000 đồng cho ông P.

Tại phiên tòa sơ thẩm vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Công P phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim C có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Kim C.

[2] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Khoảng đầu năm 2017 giữa ông Nguyễn Văn P và ông Trương Công P có thiết lập hợp đồng vay tài sản, do ông P không thanh toán nghĩa vụ trả nợ nên ông P khởi kiện yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông chỉ yêu cầu một mình ông P trả cho ông số tiền đã vay là 5.000.000 đồng, không yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C phải liên đới cùng ông P hoàn trả, xét thấy đây là sự tự nguyện và là quyền tự quyết định, định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng việc hai bên thiết lập hợp đồng vay tiền, số tiền hiện tại ông P còn nợ ông P được hai bên thống nhất thừa nhận nên xác định đây là sự việc có thật. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về việc trả nợ. Ông P nại rằng vào ngày 10/5/2016 ông có vay của ông P dùm cho ông H 10.000.000 đồng và đã đóng lãi cho ông P 3.000.000 đồng nên yêu cầu ông P phải nói với gia đình ông H về việc này để ông yêu cầu ông H trả lại cho ông 3.000.000 đồng thì ông sẽ trả cho ông P số tiền 5.000.000 đồng, nếu không nói thì ông chỉ trả cho ông P 2.000.000 đồng (do trừ đi 3.000.000 đồng mà ông đã đóng lãi dùm cho ông H) với lý do ông P nói với gia đình ông H là việc ông vay dùm 10.000.000 đồng cho ông H ông P không tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy lời nại của ông P là không có căn cứ để chấp nhận, việc ông P cho ông P vay số tiền 5.000.000 đồng vào khoảng đầu năm 2017 và việc ông P cho ông P vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 10/5/2016 (trong đó có 10.000.000 đồng ông P vay dùm cho ông H) là hai giao dịch dân sự độc lập với nhau, mặc khác số tiền vay 20.000.000 đồng các bên cũng đã thực hiện xong hợp đồng, nếu ông P cho rằng ông đã thực hiện nghĩa vụ đóng lãi thay cho ông H thì các bên liên quan có quyền tự thương lượng hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ông P vay của ông P số tiền 5.000.000 đồng nhưng không thực hiện việc trả nợ là vi phạm hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P nên buộc ông P phải trả cho ông P số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Trương Công P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Công P phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Trương Công P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện